

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 5832/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 4225/SXD-QH ngày 15/6/2022 của Sở Xây dựng về việc ý kiến về ý kiến về nội dung đề án quy hoạch chung xây dựng 03 xã: Thọ Vực, Thọ Sơn, Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 3192/SGTVT-KHTC ngày 20/6/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến các quy hoạch địa bàn huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Thông báo kết luận số 562-TB/HU ngày 25/5/2022 của Thường trực Huyện ủy;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/9/2022 của HĐND xã Hợp Thắng về việc thông qua đề án quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 378/TĐ-KTHT ngày 29/9/2022 (kèm theo Tờ trình của UBND xã Hợp Thắng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với những nội dung sau:

1. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi, ranh giới nghiên cứu:

Phạm vi ranh giới nghiên cứu trên toàn bộ địa giới hành chính của xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Thọ Tân và xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn;
- Phía Nam giáp xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn và xã Xuân Du, huyện Như Thanh;
- Phía Đông giáp xã An Nông, huyện Triệu Sơn;
- Phía Tây giáp xã Hợp Thành và xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn.

b) Quy mô diện tích lập quy hoạch: bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên xã Hợp Thắng khoảng 946,94 ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

2.1. Mục tiêu quy hoạch

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn quản lý trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển nông, thủy sản, công nghiệp xây dựng, dịch vụ thương mại... và hệ thống các công trình chuyên ngành.

- Gắn kết chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, dự án khác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2.2. Tính chất, chức năng và kinh tế chủ đạo của xã

- Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng là một đơn vị hành hương tới đạt và vượt các tiêu chí của xã chính cấp xã hoàn chỉnh với đầy đủ các hoạt động chức năng nhà nước quy định nông thôn mới nâng cao.

- Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030 xã Hợp Thắng là vùng sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi tập trung theo ứng dụng công nghệ cao; phát triển kinh tế lâm nghiệp, dịch vụ, công nghiệp; phát triển đô thị.

3. Quy mô dân số và đất đai theo các giai đoạn phát triển

3.1. Dự báo quy mô dân số:

Năm 2020 là 5.579 người; dự báo đến năm 2025 dân số toàn xã là 5.989 người, số người trong độ tuổi lao động 4.072 người (chiếm 68 % dân số); dự báo đến năm 2030 dân số toàn xã là 6.398 người, số người trong độ tuổi lao động 4.478 người (chiếm 70% dân số).

3.2. Dự báo quy mô đất xây dựng:

- Giai đoạn 2020÷2025: $\geq 27,27$ ha.
- Giai đoạn 2025÷2030: $\geq 29,4$ ha.

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã:

Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và xây dựng tương đối đầy đủ. Nằm trên trục đường chính quan trọng của xã tại thôn Đồng Khang. Giữ nguyên vị trí hiện tại và định hướng cải tạo và nâng cấp khu trung tâm xã. Đây là khu vực tập trung các công trình hành chính, công cộng và dịch vụ chính của toàn xã: Trụ Sở UBND xã, Trạm y tế, Bưu điện xã, Trụ sở công an xã, Trụ sở Trục dân quân cơ động, Trung tâm văn hóa xã, Tượng đài tưởng niệm, Sân vận động xã, Trường THCS, Trường tiểu học, Trường mầm non, các khu dân cư Quy mô phát triển trung tâm xã khoảng 20,0ha.

4.2. Hệ thống thôn và các khu dân cư tập trung:

Tôn trọng hình thái ở hiện trạng tại các thôn bản, cải tạo chỉnh trang hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn ngành, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

4.3. Khu sản xuất, dịch vụ

a) Khu sản xuất nông nghiệp

- Ngành trồng trọt: Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; đưa các mô hình, áp dụng chuyển giao và áp dụng các tiến bộ khoa học sản xuất vào phát triển nông nghiệp; tăng cường liên kết trong sản xuất, chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp sản xuất hiệu quả thấp sang hình thành các khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Diện tích đất trồng lúa đến năm 2030 khoảng 344,2ha.

- Ngành chăn nuôi: Để phát huy thế mạnh của xã và tăng thu nhập cho người dân, trong thời gian tới xã đầu tư khuyến khích các hộ gia đình hình thành và phát triển các mô hình trang trại. Định hướng phát triển mới 02 khu trang trại chăn nuôi tập trung tại khu vực Đồng Chiêm thôn Tân Thắng 1, Tân Thắng 2 với tổng diện tích 6,0ha.

- Ngành thủy sản: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã đến năm 2030 là 15,21ha. Thiết kế, phân chia xây dựng ao, hồ, đầm nuôi thả theo tiêu chuẩn kỹ thuật với diện tích phù hợp trên cơ sở hoàn thiện hệ thống kênh mương sẵn có, dần hình thành trang trại chuyên nuôi trồng thủy sản, khuyến khích phát triển nuôi những loại thủy sản đặc sản, có năng suất và giá trị kinh tế cao.

b) Khu sản xuất kinh doanh - Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

Giữ nguyên khu sản xuất kinh doanh quy mô 0,47ha của Công ty gỗ

Thanh Bình tại thôn Châu Cương. Trong giai đoạn quy hoạch bố trí quỹ đất để phát triển sản xuất kinh doanh thôn Tân Thắng 1 với diện tích 3,83ha.

c) Cụm công nghiệp

- Giai đoạn 2021-2030: Hoàn thiện hệ thống HTKT cụm công nghiệp Hợp Thắng 1 với diện tích 70ha tại khu vực Đồng Vĩnh thôn Tâm Tiến. Ngành nghề hoạt động chủ yếu là: Cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông – lâm sản, sản xuất máy móc thiết bị nông – lâm nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, may mặc, giày da,...và các ngành khác có liên quan theo quy định.

- Định hướng giai đoạn 2030-2045: Bổ sung thêm Cụm công nghiệp Hợp Thắng II quy mô 70ha; Cụm công nghiệp Hợp Thắng III quy mô 70ha.

d) Khu vực dịch vụ - thương mại

Bố trí quỹ đất để phát triển các khu thương mại, dịch vụ đến năm 2030 với diện tích 13,05ha, gồm các khu sau:

- Khu thương mại dịch vụ thôn Đồng Thành với diện tích 5,05ha.

- Khu thương mại dịch vụ Hợp Thắng – Vân Sơn với diện tích 12,69ha, trong đó xã Vân Sơn 4,69ha; xã Hợp Thắng 8,0ha.

4.4. Khu vực khai thác khoáng sản

Trong kỳ quy hoạch, bố trí 03 khu mỏ khai thác đất để làm VLXD với tổng diện tích 14ha, cụ thể:

- Khai thác mỏ đất tại thôn Liên Châu với diện tích 2,0 ha

- Khu khai thác mỏ đất tại thôn Liên Châu, Châu Cương với diện tích 5,0ha

- Khu khai thác mỏ đất tại thôn Tâm Tiến diện tích 7,0ha.

4.5. Khu vực cấm xây dựng, đặc thù và các công trình đầu mối

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp, khu vực này chủ yếu giữ theo hiện trạng, để đảm bảo ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Vùng cấm xây dựng: bao gồm các vùng xung quanh các Hồ - Đập, sườn đồi, đây là khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã

5.1 Phân vùng kinh tế

Toàn xã Hợp Thắng được chia thành 03 vùng phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (dọc hai bên trục đường Tỉnh lộ 514): định hướng khu vực tập trung phát triển các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, tiểu thủ công nghiệp gắn với các điểm dân cư nông thôn.

- Vùng 2 (khu vực cụm công nghiệp và thương mại dịch vụ giáp với đường Nghi Sơn – Sao Vàng): đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã.

- Vùng 3 (khu vực còn lại trong toàn bộ xã): là vùng sản xuất nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp tập trung trung kết hợp kinh doanh thương mại nhỏ, lẻ.

5.2. Định hướng tổ chức công trình công cộng

Các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã hiện nay cơ bản đã đáp ứng được những quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng. Định hướng cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (ha)			Định hướng kiến trúc
				Hiện trạng	Quy hoạch	Tăng Giảm	
1	Công sở xã	Thôn Đồng Khang	Giữ nguyên hiện trạng	0,46	0,46	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã; + Chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$
2	Trụ sở Công an xã	Thôn Đồng Khang	Quy hoạch mới		0,12	0,12	Kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã; + Chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 45\%$
3	Ban chỉ huy quân sự xã	Thôn Đồng Khang	Quy hoạch mới		0,10	0,10	Kiến trúc phù hợp với công trình cấp xã ; + Chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 45\%$
4	Trường bán Trung Đoàn 3	Thôn Liên Châu, Châu Cương	Giữ nguyên hiện trạng		3,30	3,30	
4	Căn cứ đại đội cơ động huyện	Thôn Đồng Khang; Tâm Tiến	Quy hoạch mới		5,0	5,0	
5	Căn cứ lực lượng vũ trang huyện	Thôn Liên Châu, Châu Cương			45,0	45,0	
6	Thao trường huấn luyện chuyên TTSSCD	Liên Châu	Quy hoạch mới		1,10	1,10	
7	Thế trận phòng thủ Quân sự Triệu Sơn: 0,30ha (Hợp Tiến: 0,15ha; Hợp Thắng: 0,15ha)	Liên Châu	Quy hoạch mới		0,15	0,15	
8	Trường mầm non xã Hợp Thắng	Thôn Đồng Khang	Giữ nguyên hiện trạng	0,60	0,60	0	Kiến trúc phù hợp với quy mô trường chuẩn quốc gia + Chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$
9	Trường tiểu học xã Hợp Thắng	Thôn Đồng Khang	Giữ nguyên hiện trạng	1,16	1,16	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với quy mô trường chuẩn quốc gia + Chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 40\%$
10	Trường trung học cơ sở xã Hợp Thắng	Thôn Đồng Khang	Giữ nguyên hiện trạng	0,72	0,72	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với quy mô trường chuẩn quốc gia + Chiều cao từ 1 - 3 tầng; + Mật độ xây dựng: $\leq 45\%$
11	Nhà văn hóa						

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (ha)			Định hướng kiến trúc
				Hiện trạng	Quy hoạch	Tăng Giảm	
11.1	Nhà văn hóa thôn Liên Châu	Thôn 1 cũ	Giữ nguyên	0,02	0,02	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp cảnh quan xung quanh
		Đất Màu; thôn Liên Châu	Mở rộng	0,06	0,43	0,37	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp cảnh quan xung quanh
11.2	Nhà văn hóa thôn Châu Cương	Trong Mương, thôn Châu Cương	Quy hoạch mới		0,20	0,20	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
11.3	Nhà văn hóa thôn Đồng Thành	Thôn 7 cũ	Giữ nguyên hiện trạng	0,09	0,09	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp cảnh quan xung quanh
		Thôn 8 cũ	Giữ nguyên hiện trạng	0,05	0,05	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp cảnh quan xung quanh
11.4	Nhà văn hóa thôn Tâm Tiến	Thôn 6 cũ	Giữ nguyên hiện trạng	0,06	0,06	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp cảnh quan xung quanh
		Thôn Tâm Tiến	Quy hoạch mới		0,20	0,20	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
11.5	Nhà văn hóa thôn Tân Thắng 1	Thôn 9 cũ	Giữ nguyên hiện trạng	0,02	0,02	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp cảnh quan xung quanh
11.6	Nhà văn hóa thôn Tân Thắng 2	Thôn 10 cũ	Giữ nguyên hiện trạng	0,04	0,04	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp cảnh quan xung quanh
		Thôn 11 cũ	Giữ nguyên hiện trạng	0,06	0,06	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp cảnh quan xung quanh
11.7	Nhà văn hóa thôn Đồng Khang	Thôn 5 cũ	Giữ nguyên hiện trạng	0,01	0,01	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp cảnh quan xung quanh
		Thôn Đồng Khang	Quy hoạch mới		0,20	0,20	Kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh
12	Buru điện xã	Thôn Đồng Khang	Giữ nguyên hiện trạng	0,02	0,02	0	Mật độ xây dựng 80%, tầng cao 1-3 tầng
13	Chợ						
13.1	Chợ Hợp Thắng	Thôn Tâm Tiến	Quy hoạch mới		0,60	0,60	
13.2	Chợ Hợp Thắng – Vân Sơn: 2,0ha (Vân Sơn: 0,90ha; Hợp Thắng: 1,10ha)	Chung Chính; Đồng Thành	Quy hoạch mới		1,10	1,10	
14	Trạm y tế	Thôn Đồng Khang	Giữ nguyên hiện trạng	0,22	0,22	0	
15	Sân vận động xã	Thôn Đồng Khang	Giữ nguyên hiện trạng	0,57	0,57	0	
		Thôn Đồng Khang	Quy hoạch mới		1,50	1,50	
16	Khu thể thao thôn						
16.1	Khu thể thao thôn Liên Châu	Thôn Liên Châu	Giữ nguyên hiện trạng	0,34	0,34	0	+ Sân tập thể thao đơn giản: $\geq 250 \text{ m}^2$ + Phòng tập đơn giản: 24mx12m
16.2	Khu thể thao thôn Châu Cương	Thôn Châu Cương	Giữ nguyên hiện trạng	0,31	0,31	0	+ Sân tập thể thao đơn giản: $\geq 250 \text{ m}^2$ + Phòng tập đơn giản:

TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (ha)			Định hướng kiến trúc
				Hiện trạng	Quy hoạch	Tăng Giảm	
							24mx12m
16.3	Khu thể thao thôn Tâm Tiến	Thôn Tâm Tiến	Giữ nguyên hiện trạng	0,69	0,69	0	+ Sân tập thể thao đơn giản: $\geq 250 \text{ m}^2$ + Phòng tập đơn giản: 24mx12m
16.4	Khu thể thao thôn Đồng Thành	Thôn Đồng Thành	Giữ nguyên hiện trạng	0,38	0,38	0	+ Sân tập thể thao đơn giản: $\geq 250 \text{ m}^2$ + Phòng tập đơn giản: 24mx12m
16.5	Khu thể thao thôn Tân Thắng 1	Thôn Tân Thắng 1	Quy hoạch mới		0,20	0,20	+ Sân tập thể thao đơn giản: $\geq 250 \text{ m}^2$ + Phòng tập đơn giản: 24mx12m
16.6	Khu thể thao thôn Tân thắng 2	Thôn Tân Thắng 2	Giữ nguyên hiện trạng	0,27	0,27	0	+ Sân tập thể thao đơn giản: $\geq 250 \text{ m}^2$ + Phòng tập đơn giản: 24mx12m
17	Tượng đài liệt sỹ	Thôn Đồng Khang	Giữ nguyên hiện trạng	0,10	0,10	0	
18	Nhà thờ Đạo	Thôn Đồng Khang	Giữ nguyên hiện trạng	0,13	0,13	0	

5.3. Định hướng tổ chức quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo.

- Giữ nguyên các khu dân cư hiện trạng tại 7 thôn: Thôn Liên Châu, thôn Châu Cương, thôn Đồng Khang, thôn Tâm Tiến, thôn Đồng Thành, thôn Tân Thắng 1, thôn Tân Thắng 2. Cải tạo, chỉnh trang, đồng thời ban hành quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm với diện tích 155,72ha

- Bố trí quỹ đất xây dựng các khu dân cư mới đến năm 2030 với diện tích 15,13ha (Ký hiệu: DCM-01 đến DCM-11).

6. Quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐ XD (%)	Tầng cao (tầng)	HS SDD (lần)
1	Đất trụ sở UBND xã	TSC-01	0,46	40,0	1 - 3	1,2
2	Đất cơ sở y tế (Trạm y tế xã)	DYT-01	0,22	40,0	1 - 3	1,2
3	Đất an ninh (QH Trụ sở công an xã)	CAN-01	0,12	45,0	1 - 3	1,4
4	Đất bưu chính xã (Bưu điện xã)	DBV-01	0,02	80,0	1 - 3	2,4
5	Đất thương mại, dịch vụ		14,75			
5.1	QH khu TMDV Tây Hồ thôn Tân Thắng 2	TM-01	5,05	60,0	1 - 4	2,4
5.2	QH khu TMDV Hợp Thắng-Vân Sơn:12,69ha (Vân Sơn 4,69ha; Hợp Thắng 8ha)	TM-02	8,00	60,0	1 - 4	2,4

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐ XD (%)	Tầng cao (tầng)	HS SDD (lần)
5.3	Mở mới chợ Hợp Thắng (thôn Tâm Tiến)	TM-03	0,60	60,0	1 - 4	2,4
5.4	Mở mới chợ Hợp Thắng - Vân Sơn: 2,0ha (Vân Sơn: 0,90ha; Hợp Thắng: 1,10ha)	TM-04	1,10	60,0	1 - 4	2,4
6	Đất cơ sở văn hóa		1,48			
6.1	Nhà văn hóa thôn thôn Liên Châu (thôn 1 cũ)	NVH-01	0,02	40,0	1 - 3	1,2
6.2	Mở rộng nhà văn hóa thôn Liên Châu	NVH-02	0,43	40,0	1 - 3	1,2
6.3	QH nhà văn hóa thôn Châu Cương	NVH-03	0,20	40,0	1 - 3	1,2
6.4	Nhà văn hóa thôn Đồng Thành (thôn 7 cũ)	NVH-04	0,09	40,0	1 - 3	1,2
6.5	QH nhà văn hóa thôn Tâm Tiến	NVH-05	0,20	40,0	1 - 3	1,2
6.6	Nhà văn hóa thôn Tân Thắng 2 (thôn 11 cũ)	NVH-06	0,06	40,0	1 - 3	1,2
6.7	Nhà văn hóa thôn Tân Thắng 2 (thôn 10 cũ)	NVH-07	0,04	40,0	1 - 3	1,2
6.8	Nhà văn hóa thôn Tân Thắng 1 (thôn 9 cũ)	NVH-08	0,02	40,0	1 - 3	1,2
6.9	QH nhà văn hóa thôn Đồng Khang	NVH-09	0,20	40,0	1 - 3	1,2
6.10	Nhà văn hóa thôn Đồng Khang (thôn 5 cũ)	NVH-10	0,01	40,0	1 - 3	1,2
6.11	Nhà văn hóa thôn Tâm Tiến (thôn 6 cũ)	NVH-11	0,06	40,0	1 - 3	1,2
6.12	Nhà văn hóa thôn Đồng Thành (thôn 8 cũ)	NVH-12	0,05	40,0	1 - 3	1,2
6.13	Tượng đài liệt sỹ	DVH-13	0,10	40,0	1 - 3	1,2
7	Đất cơ sở thể thao		4,27			
7.1	Sân thể thao thôn Liên Châu	STT-01	0,34			
7.2	Sân thể thao xã	STT-02	0,28			
7.3	Mở mới sân thể thao xã	STT-03	1,50			
7.4	Mở mới sân thể thao thôn Tân Thắng 1	STT-04	0,20			
7.5	Sân thể thao thôn Tân Thắng 2	STT-05	0,27			
7.6	Sân thể thao thôn Tâm Tiến	STT-06	0,69			
7.7	Sân thể thao thôn Châu Cương vị trí 1	STT-07	0,31			
7.8	Sân thể thao thôn Châu Cương vị trí 2	STT-08	0,30			
7.9	Sân thể thao thôn Đồng Thành	STT-09	0,38			
8	Đất cơ sở giáo dục		2,72			
8.1	Trường tiểu học	DGD-01	1,16	40,0	1 - 3	1,2
8.2	Trường trung học cơ sở	DGD-02	0,72	45,0	1 - 4	1,8
8.3	Trường mầm non xã	DGD-03	0,60	40,0	1 - 3	1,2
8.4	Trường mầm non thôn Liên Châu (thôn 1 cũ)	DGD-04	0,02	40,0	1 - 3	1,2
8.5	Trường mầm non thôn Liên Châu (thôn 2 cũ)	DGD-05	0,08	40,0	1 - 3	1,2

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐ XD (%)	Tầng cao (tầng)	HS SDD (lần)
8.6	Trường mầm non thôn Châu Cương (thôn 3 cũ)	DGD-06	0,11	40,0	1 - 3	1,2
8.7	Trường mầm non thôn Tâm Tiến (thôn 6 cũ)	DGD-07	0,03	40,0	1 - 3	1,2
9	Đất nghĩa trang, nghĩa địa		4,28			
9.1	Mở rộng nghĩa địa Đồng Máng thôn Châu Cương	NTD-01	1,03			
9.2	Mở rộng nghĩa địa Đồng Đình thôn Châu Cương	NTD-02	0,35			
9.3	Mở rộng nghĩa địa Cồn Đụn thôn Tâm Tiến(điểm 1)	NTD-03	1,12			
9.4	Mở rộng nghĩa địa Cồn Đụn thôn Tâm Tiến(điểm 2)	NTD-04	0,56			
9.5	Mở rộng nghĩa địa Đồng Cửa thôn Tân Thắng	NTD-05	1,22			
10	Đất ở tại nông thôn					
10.1	Đất dân cư phát triển		15,13			
10.1.1	QH điểm dân cư đồng Cây Trí thôn Liên Châu	DCM-01	1,00	30-60	1 - 5	1,5-3,0
10.1.2	QH điểm dân cư đồng Trong Mương thôn Châu Cương	DCM-02	2,30	30-60	1 - 5	1,5-3,0
10.1.3	QH điểm dân cư Dó Quán Châu thôn Liên Châu	DCM-03	4,80	30-60	1 - 5	1,5-3,0
10.1.4	QH điểm dân cư thôn Đồng Khang giáp svđ xã hiện trạng	DCM-04	0,82	30-60	1 - 5	1,5-3,0
10.1.5	QH điểm dân cư thôn Đồng Khang trước trường tiểu học	DCM-05	0,70	30-60	1 - 5	1,5-3,0
10.1.6	QH điểm dân cư thôn Đồng Khang phía tây NVH thôn	DCM-06	0,30	70-100	1 - 5	3,5-5,0
10.1.7	QH điểm dân cư thôn Đồng Khang phía đông NVH thôn	DCM-07	0,50	70-100	1 - 5	3,5-5,0
10.1.8	QH điểm dân cư thôn Đồng Khang phía Nam TL514	DCM-08	0,20	70-100	1 - 5	3,5-5,0
10.1.9	QH điểm dân cư Hồ Ngân Sách thôn Tân Thắng 1	DCM-09	2,51	30-60	1 - 5	1,5-3,0
10.1.10	QH điểm dân cư Làng Dừa thôn Châu Cương	DCM-10	1,00	30-60	1 - 5	1,5-3,0
10.1.11	QH điểm dân cư giáp STT thôn Châu Cương	DCM-11	1,00	30-60	1 - 5	1,5-3,0
10.2	Đất dân cư hiện trạng, cải tạo (DCHT-01 đến DCHT-155)	DCHT	155,72	30-60	1 - 4	1,2-2,4
11	Đất quốc phòng		54,65			
11.1	QH nhà trực dân quân cơ động xã	CQP-01	0,10	45,0	1 - 3	1,4
11.2	QH căn cứ đại đội cơ động huyện	CQP-02	5,00	45,0	1 - 3	1,4
11.3	QH căn cứ lực lượng vũ trang huyện (điểm 1)	CQP-03	34,67	45,0	1 - 3	1,4
11.4	QH căn cứ lực lượng vũ trang huyện (điểm 2)	CQP-04	10,33	45,0	1 - 3	1,4
11.5	QH thao trường huấn luyện chuyên TTSSCĐ	CQP-05	1,10	45,0	1 - 3	1,4

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	MĐ XD (%)	Tầng cao (tầng)	HS SDD (lần)
11.6	Thế trận phòng thủ Quân sự Triệu Sơn: 0,30ha (Hợp Tiên: 0,15ha; Hợp Thắng: 0,15ha)	CQP-06	0,15	45,0	1 - 3	1,4
11.7	Trường bắn trung đoàn 3	CQP-07	3,30	45,0	1 - 3	1,4
12	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh		4,30			
12.1	Công ty gỗ Thanh Bình	CN-01	0,47	60,0	1 - 3	1,8
12.2	QH khu SXKD thôn Tân Thắng 1	CN-02	3,83	60,0	1 - 3	1,8
13	Đất cụm công nghiệp					
13.1	QH cụm công nghiệp xã Hợp Thắng	CCN-01	70,00	60,0	1 - 3	1,8
14	Đất khoáng sản		15,63			
14.1	QH khai thác khoáng sản thôn Liên Châu	KS-01	2,00			
14.2	QH mỏ đất thôn Liên Châu; Châu Cương	KS-02	5,00			
14.3	Mỏ đất thôn Châu Cương (hiên trạng)	KS-03	1,63			
14.4	QH mỏ đất thôn Tâm Tiến	KS-04	7,00			
15	Đất nông nghiệp khác		6,00			
15.1	QH Trang trại TH Đồng Chiêm thôn Tân Thắng 1 (điểm 1)	TT-01	3,00			
15.2	QH Trang trại TH Đồng Chiêm thôn Tân Thắng 1 (điểm 2)	TT-02	3,00			
16	Đất tôn giáo					
16.1	nhà thờ đạo thôn Đồng Khang	TON-01	0,13			
17	Đất giao thông					
17.1	QH bến xe Hào Hương	BX-01	1,54			
17.2	QH bãi đậu xe công cộng	BDX-02	0,10			
18	Hệ thống giao thông toàn xã		95,40			
19	Đất bãi thải, xử lý rác thải					
19,1	bãi trung chuyển rác thải thôn tân thắng 2	DRA	0,50			
20	Đất hạ tầng kỹ thuật khác					
20,1	QH trạm xử lý nước thải tập trung	TNT-01	0,30			
21	Đất thủy lợi		20,83			
22	Đất rừng sản xuất					
22,1	QH đất rừng sản xuất	RSX-01	3,00			
23	Đất cây xanh, công viên		0,91			
23,1	Đất cây xanh, công viên khu 1	CX-01	0,82			
23,2	Đất cây xanh, công viên khu 2	CX-02	0,09			
24	Đất sản xuất nông nghiệp		449,68			
25	Đất khác		24,94			
	Tổng cộng		946,95			

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

7.1. Quy hoạch giao thông:

a) Hệ thống giao thông đối ngoại.

- Đường Tỉnh lộ:

+ Tuyến đường Sao Vàng – Nghi Sơn (TL.506) qua xã với chiều dài 3,0km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường $12,0 \times 2 = 24,0\text{m}$; dải phân cách giữa 17,0m; đường gom 2 bên $6,5 \times 2 = 13,0\text{m}$; taluy + rãnh thoát nước $3,0 \times 2 = 6,0\text{m}$; hành lang giao thông $10,0 \times 2 = 20,0\text{m}$. Lộ giới: 80,0m.

+ Đường Tỉnh lộ 520 kéo dài qua xã với chiều dài 1,1km; đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường: $12,0 \times 1\text{m}$; Hành lang giao thông: $17,0\text{m} \times 2$. Lộ giới: 46,0m.

+ Tuyến tỉnh lộ 514 (TL.514) qua xã với chiều dài 2,0m, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường: $12,0 \times 1\text{m}$; Hành lang giao thông: $17,0\text{m} \times 2$. Lộ giới: 46,0m.

- Đường huyện:

+ Đường huyện ĐH.05 kéo dài qua xã với chiều dài 1,5km; đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Quy mô MCN như sau: lộ giới 27,5m, lòng đường 7,5m, hành lang giao thông $10,0\text{m} \times 2 = 20\text{m}$.

+ Đường huyện ĐH.09 (tuyến quy hoạch mới) qua xã với chiều dài 3,8km; đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Quy mô MCN như sau: lộ giới 27,5m, lòng đường 7,5m, hành lang giao thông $10,0\text{m} \times 2 = 20\text{m}$.

b) Hệ thống giao thông đối nội:

- Tuyến đường xã: gồm 07 tuyến với tổng chiều dài 12,0km.

+ Nâng cấp, cải tạo 03 tuyến (Ký hiệu: ĐTX-HT.01 đến ĐTX-HT.03) tổng chiều dài 6,4km; Quy mô MCN như sau: lộ giới 20,5m, lòng đường 10,5m, hè đường $5,0\text{m} \times 2 = 10\text{m}$.

+ 02 tuyến đường quy hoạch mới (Ký hiệu: ĐTX-HT.04 chiều dài 2,1km; Ký hiệu: ĐTX-HT.05 chiều dài 0,9km). Quy mô MCN như sau: lộ giới 20,5m, lòng đường 10,5m, hè đường $5,0\text{m} \times 2 = 10\text{m}$.

+ Nâng cấp, cải tạo 02 tuyến (Ký hiệu ĐTX-HT.06 và ĐTX-HT.07) tổng chiều dài 2,6km. Quy mô MCN như sau: lộ giới 17,5m, lòng đường 7,5m, hè đường $5,0\text{m} \times 2 = 10\text{m}$.

- Tuyến đường thôn: Gồm 14 tuyến nâng cấp, cải tạo với tổng chiều dài 10,3km.

+ 10 tuyến (Ký hiệu: ĐTT-HT.01÷ĐTT-HT.04; ĐTT-HT.06; ĐTT-HT.07; ĐTT-HT.09; ĐTT-HT.10; ĐTT-HT.12; ĐTT-HT.14) tổng chiều dài 8,0km. Quy mô MCN như sau: lộ giới 14,5m, lòng đường 6,5m, hè đường $4,0\text{m} \times 2 = 8\text{m}$.

+ 04 tuyến (Ký hiệu: ĐTT-HT.05; ĐTT-HT.08; ĐTT-HT.11; ĐTT-HT.13) tổng chiều dài 2,3km; Quy mô MCN như sau: nền đường 6,0m, mặt đường 4,0m, lề đường $1,0\text{m} \times 2 = 2,0\text{m}$.

- Tuyến đường ngõ xóm: gồm 18 tuyến (Ký hiệu: ĐNX-HT.01 đến ĐNX-HT.18) tổng chiều dài 3,2km đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp B. Quy mô MCN như sau: nền đường 5,0m, mặt đường 3,0m, lề đường 1,0mx2=2,0m.

7.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

- Khu trung tâm nằm kề đường liên xã, độ cao san nền sẽ gắn với đường liên xã và theo địa hình tự nhiên, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Nhìn chung với định hướng như vậy khu trung tâm không phải san lấp thêm. Các công trình khi thiết kế sẽ xác định độ cao nền nhà phù hợp. Đối với các khu nông nghiệp sản xuất, giữ nguyên độ cao nền để đảm bảo nhu cầu sản xuất.

- Nước mưa sau khi thu gom được tập trung vào hệ thống công thoát mưa quy hoạch rồi thoát ra mương, kênh sau đó thoát ra lưu vực phía sông Nhom và các hồ chứa nước trên địa bàn xã.

7.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nhu cầu cấp nước đến năm 2025 là 747m³/ngày đêm, đến năm 2030 là 806m³/ngày đêm.

- Nguồn nước sạch: từ mạng lưới đường ống cấp nước sạch của Nhà máy nước sạch Triệu Sơn, tại thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn. Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm, nước mưa.

- Mạng lưới đường ống: Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn (D300 đến D500) và các tuyến phân phối (D100 đến D200) từ nhà máy nước Hợp Thắng chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch trong khu vực đảm bảo cấp nước cho xã theo định hướng hoạch chuyên ngành cấp nước đã được phê duyệt.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính \geq D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 100-150m.

7.4. Quy hoạch cấp điện

- Nhu cầu cấp điện toàn xã đến năm 2025 là 1.802 kVA, đến năm 2030 là 1.942 kVA.

- Nguồn cấp điện: Từ trạm 110kV Triệu Sơn 2.

- Đường dây điện: Duy trì đi nổi theo cột điện, cải tạo và nâng cấp tuyến đường dây.

- Trạm điện: Giữ nguyên vị trí 7 trạm biến áp hiện có với tổng công suất 1.680KVA và các tuyến đường dây tải điện hiện có. Giữ nguyên công suất TBA số 3 (thôn Tân Thắng 1). Nâng cấp trạm biến áp sau: TBA số 1 (thôn Đồng Khang); TBA số 2 (thôn Liên Châu); TBA số 4 (thôn Châu Cương); TBA số 5 (thôn Đồng Thành); TBA số 6 (thôn Đồng Khang); TBA số 7 (thôn Liên Châu) lên 320KVA. Tổng công suất các trạm sau khi nâng cấp là 2.240KVA đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

7.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải đều chảy về rãnh có nắp đan chạy song song với đường giao thông và thu gom về khu xử lý nước thải.

- Quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung thôn Tân Tiến với diện tích 0,30ha (Ký hiệu: TNT-01).

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thăm thẫu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

b) Hệ thống rác thải

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt đến năm 2025: 5.322 kg/ngđ; đến năm 2030 khoảng: 7.172kg/ngđ.

- Hiện nay các thôn trên địa bàn xã đều có bãi trung chuyển rác. Trong đó: bãi trung chuyển rác khu vực Đồng Nghèo thôn Tân Thắng 1, Tân Thắng 2 diện tích 0,08ha; Đồng Vĩnh 1 thôn Đồng Thành 0,04ha; Đồng Xộp thôn Tân Tiến 0,05ha, Đồng Châu thôn Đồng Khang 0,05ha; Khoảnh 6 thôn Liên Châu diện tích 0,05ha.

- Định hướng xử lý rác thải:

+ Giai đoạn đến năm 2025: rác thải được thu gom và xử lý tại khu xử lý rác xã Hợp Thắng.

+ Giai đoạn từ năm 2026 - 2030: dừng hoạt động khu xử lý rác tại xã Hợp Thắng, toàn bộ rác thải được thu gom và xử lý tại khu xử lý rác Thái Hòa - Vân Sơn với diện tích khoảng 15ha.

c) Quy hoạch nghĩa trang

- Trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân.

- Trong giai đoạn đến năm 2030, quy hoạch mở rộng các nghĩa trang Đồng Mãng tại thôn Châu Cương (1,03ha), nghĩa trang Đồng Đình tại thôn Châu Cương (0,35ha), nghĩa trang Còn Đơn tại thôn Tân Tiến (1,68ha), nghĩa trang Đồng Cửa tại thôn Tân Thắng 2 (1,22ha).

- Định hướng giai đoạn 2030-2045: Sử dụng nghĩa trang tập trung tại khu vực Thọ Bình, Hợp Thắng với quy mô diện tích khoảng 80ha. Định hướng tổ chức thành các công viên vĩnh hằng có cảnh quan đẹp và môi trường được đảm bảo.

7.6. Hạ tầng phục vụ sản xuất

a) Hệ thống giao thông nội đồng:

- Cơ bản giữ nguyên hệ thống giao thông theo hiện trạng, nâng cấp, cải tạo các tuyến giao thông chưa đảm bảo quy định trong xây dựng NTM, đáp ứng nhu cầu đi lại sản xuất của người dân.

- Tuyến đường nội đồng: gồm 13 tuyến (ký hiệu ĐNĐ.01 đến ĐNĐ.13), với tổng chiều dài 8,1km. Đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp A. Quy mô MCN như sau: nền đường 7,5m, mặt đường 3,5m, lề đường 2,0mx2=4,0m.

b) Hệ thống thủy lợi:

- Xây lại nhà trạm bơm Hợp Thắng 1. Trạm bơm Hợp Thắng 1 có nhiệm vụ đưa nước tưới 95ha phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Nâng cấp nhà trạm bơm Hợp Thắng 2, trạm bơm Hợp Thắng 2 có nhiệm vụ đưa nước tưới 40ha phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Nâng cấp tu bổ, hệ thống kênh mương chính kênh tưới C6 (do huyện quản lý) với tổng chiều dài 3,1km.
- Nâng cấp hệ thống kênh mương chính do xã quản lý với tổng chiều dài 15,3km.
- Xây dựng trạm bơm thôn Tân Thắng 2 với diện tích 0,20ha.

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

8.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hệ thống HTKT, HTXH đồng bộ, tạo nguồn lực để đầu tư các nguồn lực khác
- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng
- Xây dựng, cải tạo kiên cố hóa hệ thống kênh mương nội đồng
- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải, thoát nước mặt theo hướng đồng bộ- hiện tại
- Nâng cấp các trạm biến áp hiện có
- Đầu tư trang thiết bị trường học
- Xây dựng mới nhà công an. Đầu tư trang thiết bị cho các nhà văn hóa thôn, sân thể thao, trạm y tế, bưu điện...

8.2. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Hợp Thắng có trách nhiệm:
 - Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.
 - Quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.
 - Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.
 - Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.
2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hợp Thắng tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Hợp Thắng và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3 QĐ;
- UBND xã Hợp Thắng;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Kính